

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2913 LĐT BXH-VP
V/v triển khai Kế hoạch cắt giảm,
đơn giản hóa quy định liên quan
đến hoạt động kinh doanh

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ

Thực hiện Công văn số 5442/VPCP-KSTT ngày 06/7/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ và Quyết định số 609/QĐ-LĐT BXH ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng về Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2020,

Đề nghị đơn vị tiến hành rà soát, lập Danh mục các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng, quản lý nhà nước của đơn vị, gồm các nội dung: quy định thủ tục hành chính, quy định về yêu cầu, điều kiện kinh doanh (ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành nghề đầu tư kinh doanh khác); quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; quy định kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; quy định về chế độ báo cáo (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn số 5442/VPCP-KSTT ngày 06/7/2020 Văn phòng Chính phủ).

Do thời hạn gấp, đề nghị các đơn vị gửi kết quả về Thường trực Tổ công tác của Bộ trưởng (qua Văn phòng Bộ) **trước ngày 10/8/2020** để kịp thời tổng hợp, gửi Văn phòng Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Bá Hoan

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5442/VPCP-KSTT
V/v thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP
ngày 12/5/2020 của Chính phủ

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: - Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 (sau đây gọi là Nghị quyết 68). Để bảo đảm triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 68, Văn phòng Chính phủ đề nghị các bộ, cơ quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Thành lập Tổ công tác thực hiện Nghị quyết 68 để tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết 68. Thành phần Tổ công tác gồm: Tổ trưởng Tổ công tác là Chánh Văn phòng bộ, cơ quan; Tổ phó là Vụ trưởng Vụ pháp chế; thành viên là lãnh đạo các vụ, cục, đơn vị có liên quan thuộc bộ, cơ quan. Các thành viên Tổ công tác làm việc kiêm nhiệm và được sử dụng cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý để thực hiện nhiệm vụ được Tổ công tác giao. Nhiệm vụ của Tổ công tác gồm:

- Chỉ đạo, đôn đốc các vụ, cục, đơn vị triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 68 và Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan.

- Tham gia các khóa tập huấn do Văn phòng Chính phủ tổ chức và tổ chức tập huấn cho công chức, viên chức sử dụng thành thạo hệ thống phần mềm thống kê, rà soát, đánh giá, tính chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (sau đây gọi là Hệ thống phần mềm); quản lý, cấp tài khoản sử dụng phần mềm cho các vụ, cục, đơn vị thuộc bộ, cơ quan bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống phần mềm.

- Đôn đốc, kiểm tra các vụ, cục, đơn vị thuộc bộ, cơ quan thực hiện thống kê, rà soát, đánh giá, tính chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh;

- Tổ chức tham vấn, đối thoại với các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp về những khó khăn, vướng mắc bất cập, cũng như phương án tháo gỡ;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện và phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Kiểm soát chặt việc ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định mới liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý; hạn chế tối đa việc ban hành quy định mới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết 68;

- Chỉ đạo, đôn đốc việc rà soát, cập nhật kịp thời các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa vào Hệ thống phần mềm; cập nhật kịp thời các quy định mới trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trong chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của bộ, cơ quan;

- Tuyên truyền và tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, thực hiện kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- Định kỳ hàng tháng, tổ chức giao ban với các vụ, cục, đơn vị có liên quan về tình hình, kết quả triển khai Nghị quyết tại bộ, cơ quan; kịp thời báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan biểu dương khen thưởng những cá nhân, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và phê bình những cá nhân, tổ chức không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Lập Danh mục các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý, gồm các nội dung sau: quy định về thủ tục hành chính (TTHC); quy định về yêu cầu, điều kiện kinh doanh (ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành nghề đầu tư kinh doanh khác (không có trong danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư)); quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (bắt buộc tổ chức, cá nhân phải thực hiện, áp dụng); quy định kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; quy định về chế độ báo cáo (theo mẫu gửi kèm).

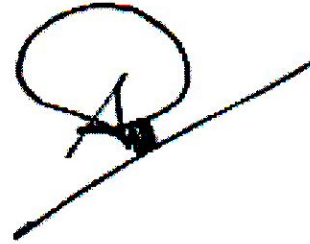
Danh sách thành viên Tổ công tác thực hiện Nghị quyết 68, Danh mục quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan xin gửi về Văn phòng Chính phủ trước ngày 25 tháng 7 năm 2020 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Thông tin chi tiết xin liên hệ đồng chí Tạ Thị Thanh Thủy, Phó trưởng phòng KSTTHC khối Khoa giáo, văn xã – Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, số đt: 08040509, 0913513722, mail: tathithanhthuy@thutuchanhchinh.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN;
- Lưu: VT, KSTT (03).vnd

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

A handwritten signature in black ink, consisting of a large, stylized circular loop followed by a diagonal stroke and a horizontal line.

Mai Tiến Dũng

PHỤ LỤC: Mẫu thống kê danh mục quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ/cơ quan....

(Kèm theo Công văn số: 5442/VPCP-KSTT ngày 06/07/2020 /7/2020)

1. Danh mục thủ tục hành chính¹ (Thống kê tất cả tên thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ, Cơ quan bao gồm các thủ tục gia nhập thị trường (ví dụ: các thủ tục thành lập, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động,...), các thủ tục trong quá trình hoạt động kinh doanh (ví dụ: các thủ tục xuất, nhập khẩu, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, thủ tục chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa,...), các thủ tục về giải thể, phá sản,...)

STT	Lĩnh vực/tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1		
1	TTHC 1		
n	TTHC n		
II	Lĩnh vực 2		
1	TTHC 1		
n	TTHC n		

2. Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

STT	Ngành, nghề (theo Luật Đầu tư)/Ngành, nghề cụ thể theo quy định pháp luật chuyên ngành	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Ngành, nghề 1 (ví dụ: Kinh doanh Dược)		
1	Ngành, nghề cụ thể 1 (ví dụ: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc)	Điểm a Khoản 1 Điều 33 Luật Dược, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	
n	Ngành, nghề cụ thể n		

¹ Lấy từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia tạo địa chỉ dichvucong.gov.vn

II	Ngành nghề 2 (ví dụ: Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)		
1	Ngành, nghề cụ thể 1 (ví dụ: Phòng khám chuyên khoa)	Điều 23 a, 26, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP	
1.1	Ngành, nghề cụ thể 1.1 (ví dụ: Phòng xét nghiệm)		
1.2	Ngành, nghề cụ thể 1.2 (ví dụ: Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-Quang)		
1.3	Ngành, nghề cụ thể 1.3 (ví dụ: Phòng khám chuyên khoa khác)		
n	Ngành, nghề cụ thể n		

3. Danh mục ngành, nghề kinh doanh khác (không có trong danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư)

STT	Lĩnh vực/Ngành, nghề	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1 (ví dụ: Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm)		
1	Ngành, nghề 1 (ví dụ: Kinh doanh dịch vụ đào tạo đại lý bảo hiểm)	Điều 87, 88, 89 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP	
n	Ngành, nghề n		
II	Lĩnh vực 2 (ví dụ: Lĩnh vực Dược phẩm)		
1	Ngành, nghề 1 (ví dụ: Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc)	Điểm đ Khoản 1 Điều 33 Luật Dược; Điểm đ Khoản 3 Điều 32 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP	
n	Ngành, nghề n		

4. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Lĩnh vực/Tên quy chuẩn kỹ thuật	Căn cứ pháp lý	Số hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1 (ví dụ: Lĩnh vực Đăng kiểm)			
1	Quy chuẩn 1 (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới)	Thông tư 30/2019/TT-BGTVT	QCVN 103:2019/BGTVT	
n	Quy chuẩn n			

5. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng

STT	Lĩnh vực/Tên tiêu chuẩn kỹ thuật	Căn cứ pháp lý	Số hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1 (ví dụ: Lĩnh vực Đăng kiểm)			
1	Tiêu chuẩn 1 (ví dụ: TCVN ISO/TS 16949 “Hệ thống quản lý chất lượng - Yêu cầu cụ thể đối với việc áp dụng TCVN ISO 9001: 2008 cho các tổ chức sản xuất ô tô và phụ tùng liên quan”)	Thông tư 45/2012/TT-BGTVT		
n	Tiêu chuẩn n			

6. Danh mục chế độ báo cáo

STT	Lĩnh vực/Tên chế độ báo cáo	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1 (Lĩnh vực Kế toán)		
1	Báo cáo 1 (ví dụ: Báo cáo Tài chính)	Thông tư số 133/2016/TT-BTC	

N	Báo cáo n		
---	-----------	--	--

7. Danh mục kiểm tra chuyên ngành

STT	Lĩnh vực/ Nhóm hàng hóa có chung quy định kiểm tra chuyên ngành	Nhóm hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (mã HS cấp độ 4 chữ số, hoặc cấp độ 6 chữ số đối với những loại hàng hóa đặc biệt) ²	Tên thủ tục hành chính áp dụng kiểm tra chuyên ngành	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1				
1	Nhóm hàng hóa 1				
n	Nhóm hàng hóa n				

² Theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 65/2017/TT-BTC